



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

# **THÔNG BÁO**

## **KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP THÁNG IX/2016**



**HÀ NỘI, THÁNG X/2016**

## LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp do Phòng Giám sát và Dự báo khí tượng nông nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 144 trạm khí tượng và khí tượng nông nghiệp do Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự báo thời tiết tuần, tháng do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;
- Số liệu thống kê về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng chính do Tổng cục Thống kê cung cấp.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.7733372; 047733090-407

Fax: 04.8358626

Email: son.nguyenhong@imh.ac.vn; nguyenson.imh@gmail.com

Webside: <http://www.imh.ac.vn>



## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG IX/2016 .....	3
1. Vùng Tây Bắc.....	3
2. Vùng Việt Bắc.....	4
4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ .....	7
5. Vùng Bắc Trung Bộ .....	8
6. Vùng Trung Trung Bộ.....	9
8. Vùng Tây Nguyên .....	12
9. Vùng Nam Bộ.....	13
II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG IX/2016 .....	14
III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG X, XI, XII/2016.....	19
IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ .....	19
V. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	20

# I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG IX/2016

Nền nhiệt độ không khí trung bình trong tháng IX/2016 tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN ( $0,2^{\circ}\text{C}$  đến  $2,2^{\circ}\text{C}$ ) (hình 10).

Lượng mưa trong tháng tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ - 284mm đến 433mm (hình 11).

Tổng số giờ nắng tháng ở hầu hết các địa phương của nước ta phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -94 giờ đến 46 giờ). Độ ẩm không khí trung bình tháng ở hầu hết các địa phương trong cả nước có giá trị phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -10% đến 6%).

Chi tiết về diễn biến tình hình khí tượng tháng IX/2016 ở từng vùng của nước ta như sau:

## 1. Vùng Tây Bắc

### 1.1. Diễn biến nhiệt độ

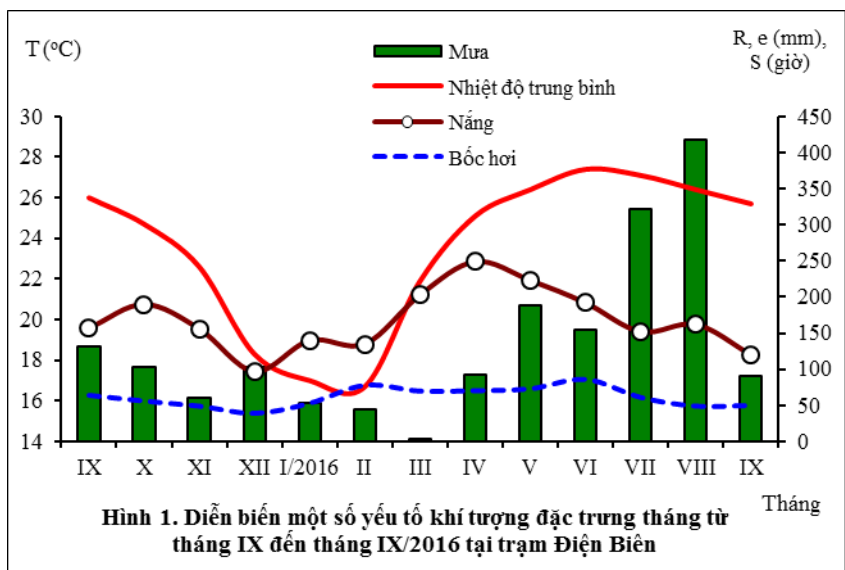
- Nhiệt độ các khu vực thuộc vùng Tây Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ  $0,3$  đến  $2,0^{\circ}\text{C}$ ; với giá trị nhiệt độ trung bình tháng dao động từ  $19,8^{\circ}\text{C}$  đến  $28,1^{\circ}\text{C}$  (hình 10).

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng phổ biến từ  $17,5^{\circ}\text{C}$  đến  $25,5^{\circ}\text{C}$ , giá trị thấp nhất là  $12,7^{\circ}\text{C}$  xảy ra vào ngày 12/IX tại Sơn Hồ.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ  $24,1^{\circ}\text{C}$  đến  $33,0^{\circ}\text{C}$ , giá trị cao nhất là  $37,3^{\circ}\text{C}$  xảy ra vào ngày 28/IX tại Mường Tè. Sự biến động của nhiệt độ không khí theo thời gian từ tháng IX/2015 đến tháng IX/2016 tại trạm đại diện cho vùng Tây Bắc (Điện Biên) được thể hiện trên hình 1.

### 1.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng IX/2016 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-284mm đến 47mm). Giá trị tổng lượng mưa tháng phổ biến dao động trong khoảng từ 84mm đến 282mm.



Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IX đến tháng IX/2016 tại trạm Điện Biên

- Lượng mưa ngày cao nhất phổ biến từ 21mm đến 79mm, cao nhất là 91mm vào ngày 10/IX tại Tam Đường.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 10 đến 21 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 10 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 11 ngày.

Biến trình lượng mưa tháng từ tháng IX/2015 đến tháng IX/2016 tại Điện Biên được thể hiện trên hình 1.

### ***1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng***

- Số giờ nắng tháng IX/2016 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -77 giờ đến -10 giờ; giá trị tổng số giờ nắng tháng phổ biến từ 100 giờ đến 157 giờ (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng IX/2016 dao động từ 75% đến 89%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -9% đến 4%. Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 31% xảy ra vào ngày 22/IX tại Yên Châu.

- Tổng lượng bốc hơi tháng IX/2016 có giá trị phổ biến từ 33mm đến 92mm, cao nhất là 118mm tại Sông Mã. Lượng bốc hơi tháng ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa từ 20mm đến 233mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được phổ biến từ 2 - 6mm.

### ***1.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt***

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 6 ngày, tuy nhiên chỉ có Yên Châu có 1 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 2 đến 9 ngày.

## **2. Vùng Việt Bắc**

### ***2.1. Diễn biến nhiệt độ***

- Nền nhiệt độ không khí tháng IX/2016 vùng Việt Bắc ở mức cao hơn giá trị TBNN ( $0,4^{\circ}\text{C}$  đến  $1,7^{\circ}\text{C}$ ) (hình 10). Diễn biến nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Việt Trì được thể hiện trên hình 2;

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến từ  $20,6^{\circ}\text{C}$  đến  $29,2^{\circ}\text{C}$ ;

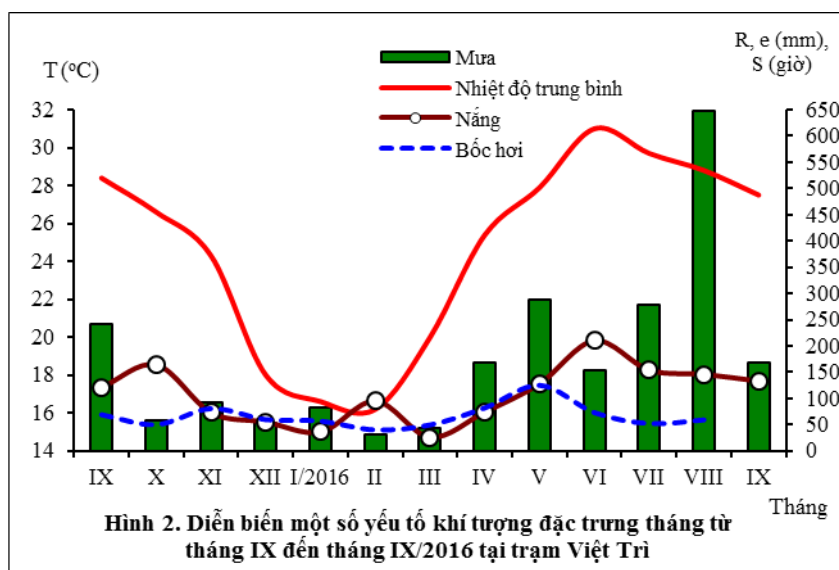
- Giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ  $18,3^{\circ}\text{C}$  đến  $26,6^{\circ}\text{C}$ , nhiệt độ không khí thấp nhất là  $16,5^{\circ}\text{C}$  xảy ra vào ngày 15/IX tại Sa Pa.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ  $23,9^{\circ}\text{C}$  đến  $35,0^{\circ}\text{C}$ , nhiệt độ

không khí cao nhất là  $40,7^{\circ}\text{C}$  xảy ra vào ngày 18/IX tại Hà Giang.

## 2.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng chủ yếu từ 210mm đến 682mm; Cao nhất là 726mm tại Bắc Quang. Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-307mm đến 335 mm). Diễn biến của tổng lượng mưa tháng từ tháng IX/2015 đến tháng IX/2016 ở trạm Việt Trì (đại diện cho vùng Việt Bắc) được thể hiện trên hình 2.



Hình 2. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IX đến tháng IX/2016 tại trạm Việt Trì

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 40mm đến 167mm, cao nhất là 211mm xảy ra vào ngày 20/IX tại Sapa. Số ngày mưa trong tháng dao động phổ biến từ 16 - 26 ngày. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 15 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 5 ngày.

## 2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng IX/2016 ở các nơi thuộc Việt Bắc có giá trị phổ biến từ 117 giờ đến 187 giờ, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-33 giờ đến 17 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng IX/2016 phổ biến từ 81 đến 89%; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-4% đến 2%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 37%, xảy ra vào ngày 18/IX tại Hà Giang.

- Lượng bốc hơi tháng ở các nơi trong vùng có giá trị phổ biến từ 44mm đến 102mm, và có giá trị ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa (-680mm đến -134mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3mm đến 7mm.

## 2.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 10 ngày, một số khu vực như Hà Giang, Nghĩa Lộ chỉ có 1 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 7 đến 18 ngày.

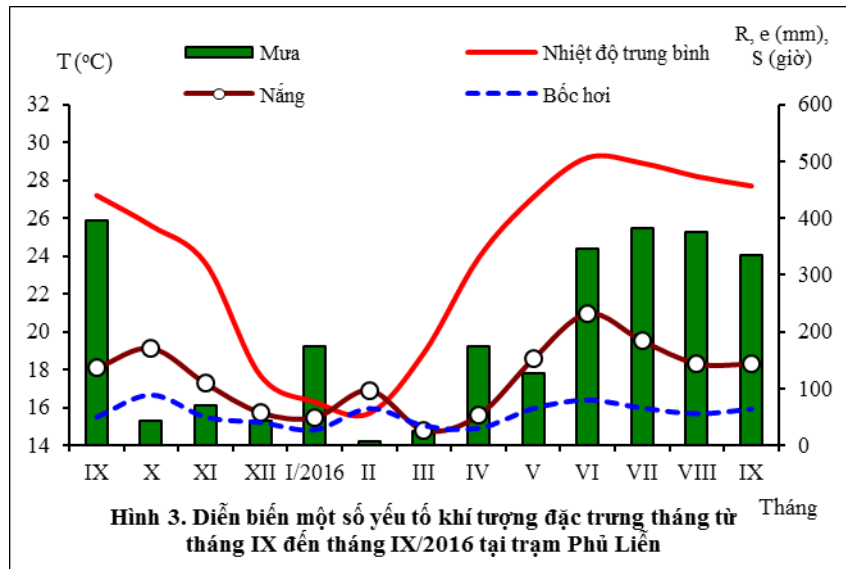
### 3. Vùng Đông Bắc

#### 3.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng ở mức cao hơn giá trị TBNN (0,5 đến 0,9<sup>0</sup>C); có giá trị dao động từ 26,0<sup>0</sup>C đến 29,1<sup>0</sup>C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 31,4<sup>0</sup>C đến 33,8<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 39,3<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 1/IX tại Bảo Lạc.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 23,0<sup>0</sup>C đến 26,5<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 20,7<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 29/IX tại Trùng Khánh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Phù Liên được thể hiện trên hình 3.



Hình 3. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IX đến tháng IX/2016 tại trạm Phù Liên

#### 3.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa tháng IX/2016 dao động phổ biến từ 247mm đến 608mm, cao nhất là 766mm tại Bắc Ninh, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ (10mm đến 212mm) (hình 11). Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất dao động phổ biến từ 52 đến 127mm.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 16 - 22 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 8 đến 14 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 6 ngày. Có thể thấy diễn biến theo thời gian của tổng lượng mưa tháng tại trạm đại diện cho vùng Đông Bắc (trạm Phù Liên) ở hình 3.

#### 3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng IX/2016 đo được ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-97 giờ đến -10 giờ) (hình 12) và phổ biến dao động trong khoảng từ 136 giờ đến 178 giờ.

- Độ ẩm không khí trung bình tháng IX/2016 ở các nơi dao động phổ biến từ 83 đến 90%, ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-3% đến 2%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 42% xảy ra vào ngày 18/IX tại Bảo Lạc.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 45mm đến 90mm. Lượng bốc hơi các khu vực trong vùng phổ biến ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa (-440mm đến -187mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 2 - 7mm (hình 14).

### 3.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng từ 1 đến 6 ngày, trong đó có 1 ngày có cường độ mạnh;
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 11 đến 20 ngày.

## 4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

### 4.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng có giá trị dao động từ 28,7<sup>0</sup>C đến 29,6<sup>0</sup>C, ở mức cao hơn giá trị TBNN (từ 0,3<sup>0</sup>C đến 1,4<sup>0</sup>C) (hình 10);

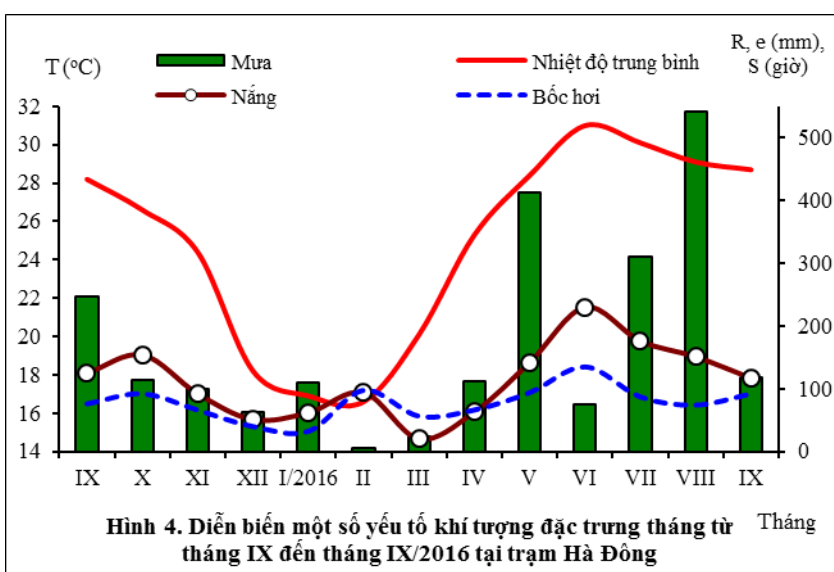
- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 31,7<sup>0</sup>C đến 34,0<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 37,5<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 2/IX tại Láng;

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng ở các nơi từ 26,0<sup>0</sup>C đến 26,9<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 23,4<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 15/IX tại Hà Đông. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

### 4.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-93mm đến 378mm, hình 11) và có giá trị dao động phổ biến từ 275mm đến 672mm, cao nhất là 714mm tại Sơn Tây.

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 74 đến 172mm; số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 13 đến 21 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 14 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 6 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.



Hình 4. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IX đến tháng IX/2016 tại trạm Hà Đông

### ***4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng***

- Tổng số giờ nắng tháng IX/2016 ở các nơi trong vùng dao động từ 110 giờ đến 167 giờ; có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -70 giờ đến -10 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 78% đến 86%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-8% đến -6%) (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 48% xảy ra vào ngày 1/IX tại Láng.

- Lượng bốc hơi vùng đồng bằng Bắc Bộ phổ biến từ 52mm đến 88mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 5mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa tháng từ -662mm đến -180mm.

### ***4.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt***

- Gió tây khô nóng xuất hiện hầu hết các nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 7 ngày với cường độ nhẹ;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 11 đến 17 ngày;

## **5. Vùng Bắc Trung Bộ**

### ***5.1. Diễn biến nhiệt độ***

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,5<sup>0</sup>C đến 1,4<sup>0</sup>C (hình 10) và có giá trị từ 28,0<sup>0</sup>C đến 29,6<sup>0</sup>C.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 32,0<sup>0</sup>C đến 34,8<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 40,0<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 9/IX tại Con Cuông.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 25,0<sup>0</sup>C đến 26,9<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 22,9<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 2/IX tại Quỳnh Châu. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

### ***5.2. Diễn biến về mưa***

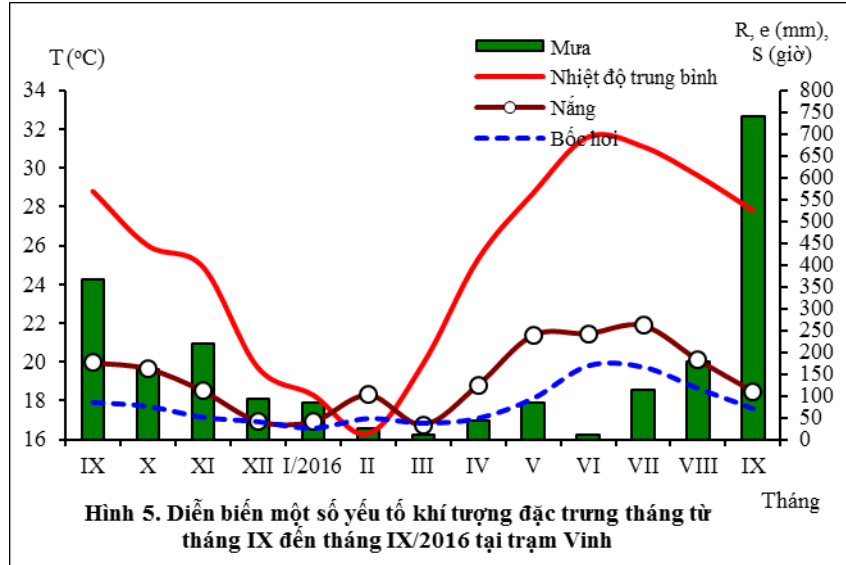
- Trong tháng IX/2016, các giá trị tổng lượng mưa tháng dao động phổ biến từ 126mm đến 385mm. Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-129mm đến 67mm) (hình 11).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 33 đến 118mm, cao nhất là 140mm, xảy ra vào ngày 22/IX tại Con Cuông.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 10 - 20 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 7 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 10 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

### 5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng dao động phổ biến từ 133 đến 189 giờ, tổng số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -32 giờ đến 15 giờ, hình 12).



Hình 5. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IX đến tháng IX/2016 tại trạm Vinh

- Độ ẩm không khí trung bình tháng

phổ biến từ 75% đến 91%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-7% đến 4%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 35% xảy ra vào ngày 8/IX tại Con Cuông.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 52mm đến 117mm; lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 2 - 9mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-333mm đến -60mm).

### 5.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 132 ngày; nhiều nơi trong đó có từ 1 đến 6 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 1 đến 18 ngày.

## 6. Vùng Trung Trung Bộ

### 6.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng IX/2016 từ 25,6°C đến 30,5°C, phổ biến ở mức cao hơn giá trị TBNN (0,3°C đến 1,4°C) (hình 10). Có thể thấy được biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm đại diện cho Trung Trung Bộ (Đà Nẵng) trên hình 6.

- **Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 29,9°C đến 35,7°C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 39,3°C xảy ra vào ngày 11/IX tại Tam Kỳ.**

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 22,5°C đến 28,1°C, giá trị nhiệt độ thấp nhất là 20,4°C xảy ra vào ngày 7/IX tại A Lưới.

### 6.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa trong tháng IX/2016 ở hầu hết các nơi trong vùng phổ biến từ 98mm đến 288mm, cao nhất là 381mm tại Khe Sanh. Ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-42mm đến 161mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 24mm đến 84mm, cao nhất là 127mm xảy ra vào ngày 4/IX tại Khe Sanh.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 12 đến 24 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 21 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 6 ngày. Có thể xem biến trình tổng lượng mưa tháng tại Đà Nẵng trên hình 6.

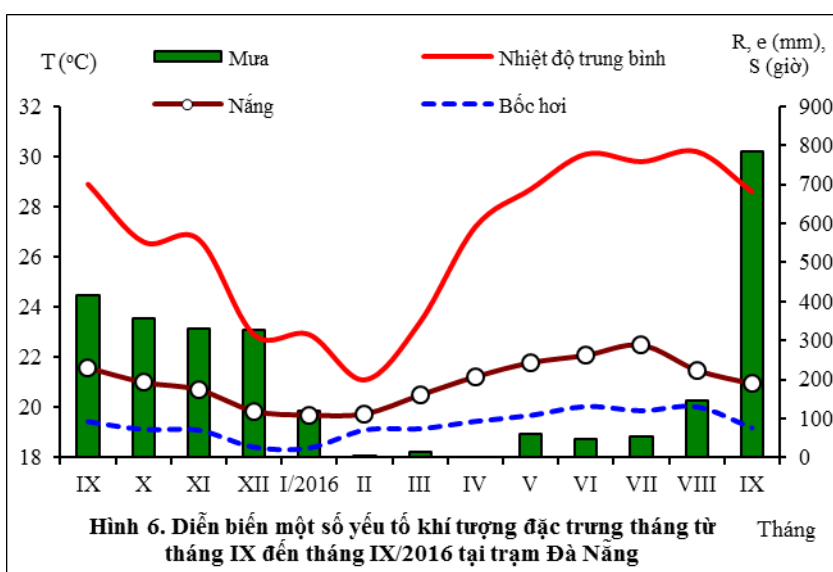
### 6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 137 giờ đến 224 giờ, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-24 giờ đến 16 giờ) (Hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 74% đến 85%, phổ biến ở mức xấp xỉ

hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -4% đến 6%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 42% xảy ra vào ngày 11/IX tại Tam Kỳ.

- Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ 57mm đến 145mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 9mm. Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-42mm đến 307mm).



### 6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 6 đến 15 ngày, nhiều nơi có từ 1 đến 3 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 4 đến 19 ngày.

## 7. Vùng Nam Trung Bộ

### 7.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng IX/2016 từ 27,4<sup>0</sup>C đến 30,7<sup>0</sup>C, ở

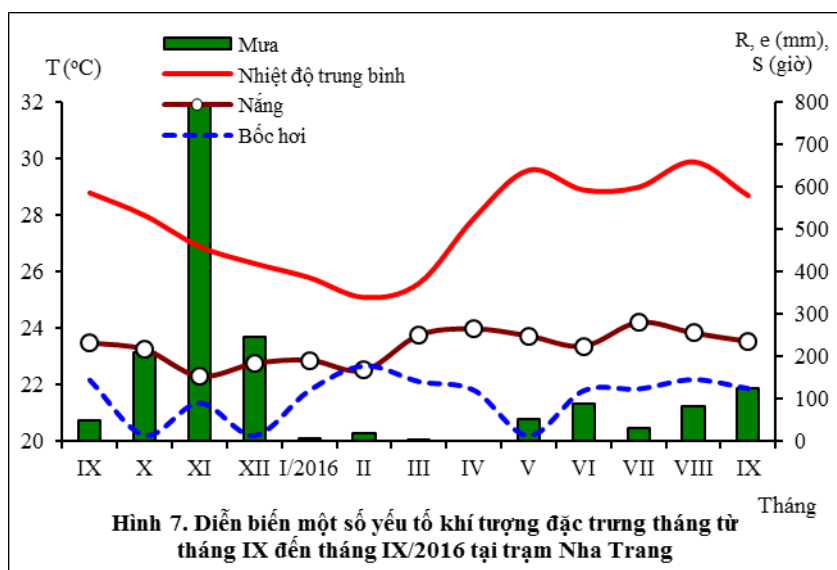
mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,9 đến 1,7<sup>0</sup>C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 31,1<sup>0</sup>C đến 35,7<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 39,0<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 4/IX tại Cam Ranh.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 24,7<sup>0</sup>C đến 28,0<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 22,2<sup>0</sup>C, xảy ra vào ngày 22/IX tại Phan Rang. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Nha Trang được thể hiện trên hình 7.

## 7.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng IX/2016, lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng phổ biến từ 52mm đến 283mm, cao nhất là 360mm tại Hàm Tân. Tổng lượng mưa tháng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -109mm đến



Hình 7. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IX đến tháng IX/2016 tại trạm Nha Trang

124mm). Diễn biến tổng lượng mưa tháng tại trạm Nha Trang được thể hiện trên hình 7.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 22mm đến 88mm. Số ngày mưa trong tháng ở các địa phương phổ biến từ 9 đến 24 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 19 ngày; số ngày không mưa liên tục trong tháng phổ biến từ 3 đến 11 ngày.

## 7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng IX/2016 ở các nơi trong vùng phổ biến từ 217 giờ đến 268 giờ; số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (10 giờ đến 60 giờ);

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 69% đến 86%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -6% đến -3%) (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất là 37% xảy ra vào ngày 14/IX tại Cam Ranh.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 102mm đến 179mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 10mm. Lượng bốc hơi các nơi trong vùng ở mức xấp

xỉ hoặc cao hơn giá trị lượng mưa (20mm đến 65mm).

#### 7.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

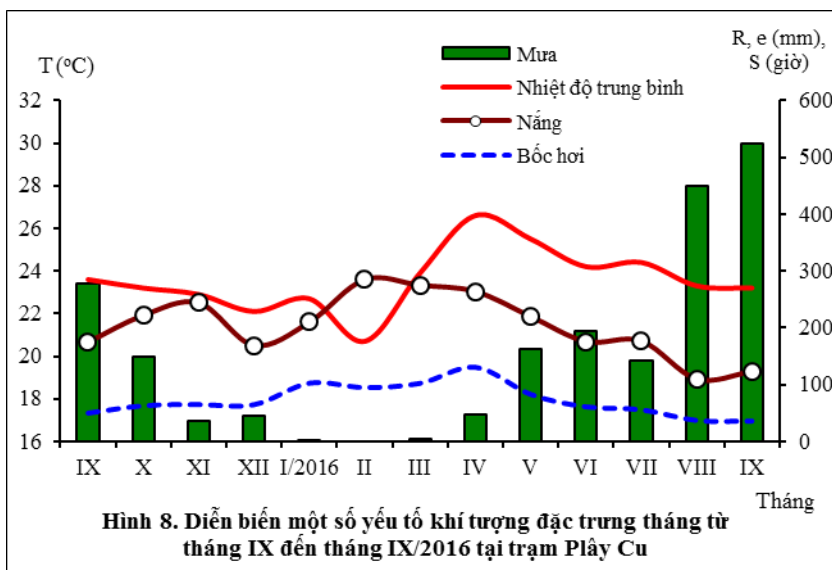
- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng từ 1 đến 24 ngày, trong đó một vài nơi có từ 1 đến 5 ngày có cường độ mạnh;
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 5 đến 16 ngày.

### 8. Vùng Tây Nguyên

#### 8.1. Diễn biến nhiệt độ

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng IX/2016 từ  $19,7^{\circ}\text{C}$  đến  $28,1^{\circ}\text{C}$ ; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ  $0,8^{\circ}\text{C}$  đến  $1,1^{\circ}\text{C}$  (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ  $23,9^{\circ}\text{C}$  đến  $33,0^{\circ}\text{C}$ ; giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là  $36,0^{\circ}\text{C}$  xảy ra vào ngày 27/IX tại Ayunpa.



Hình 8. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IX đến tháng IX/2016 tại trạm Plây Cu

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ  $17,4^{\circ}\text{C}$  đến  $25,1^{\circ}\text{C}$ , giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là  $16,4^{\circ}\text{C}$  xảy ra vào ngày 3/IX tại Đà Lạt. Có thể xem diễn biến nhiệt độ trung bình tháng ở trạm Plây Cu đại diện cho vùng Tây Nguyên trên hình 8.

#### 8.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng IX/2016 dao động từ 70mm đến 349mm, cao nhất là 449mm tại Pleiku, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn trị TBNN (từ -240mm đến -43mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 13mm đến 71mm. Số ngày mưa các nơi trong vùng phổ biến từ 15 đến 30 ngày, trong đó số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 26 ngày, số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 8 ngày. Diễn biến tổng lượng mưa tháng tại trạm Plây Cu được thể hiện trên hình 8.

#### 8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng IX/2016 phổ biến từ 110 giờ đến 244 giờ. Phổ biến

ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ (10 giờ đến 30 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -5% đến -2%) (hình 13), có giá trị phổ biến từ 75% đến 92%; độ ẩm không khí thấp nhất là 52% xảy ra vào ngày 29/IX tại M'drak.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 31mm đến 102mm, cao nhất là 128mm tại An Khê. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 7mm. Lượng bốc hơi ở các nơi trong vùng thấp hơn giá trị lượng mưa (-412mm đến -51mm).

#### 8.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 2 đến 21 ngày.

### 9. Vùng Nam Bộ

#### 9.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng IX/2016 từ  $26,7^{\circ}\text{C}$  đến  $28,8^{\circ}\text{C}$ , phổ biến ở mức cao hơn giá trị TBNN ( $0,7^{\circ}\text{C}$  đến  $1,6^{\circ}\text{C}$ ) (hình 10).

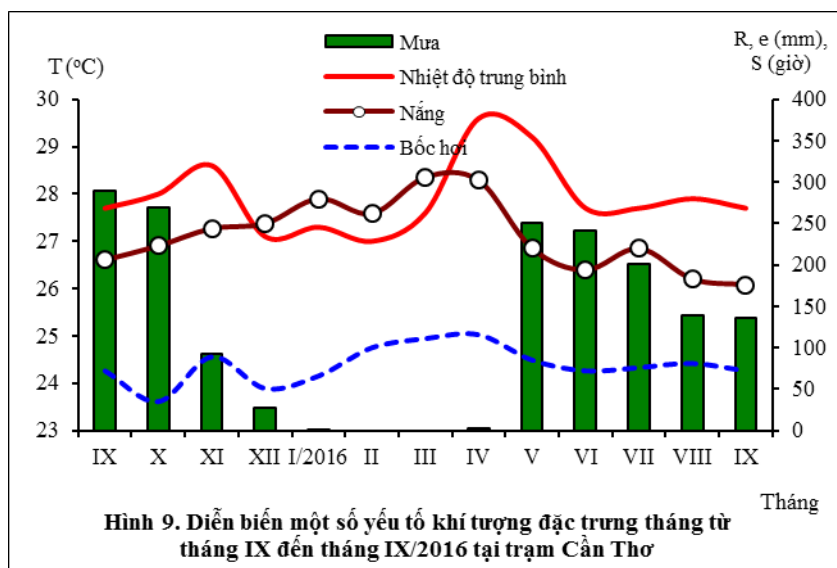
- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ  $31,2^{\circ}\text{C}$  đến  $33,8^{\circ}\text{C}$ , giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là  $36,0^{\circ}\text{C}$  xảy ra vào ngày 23/IX tại Tân Sơn Nhất.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ  $23,9^{\circ}\text{C}$  đến  $26,6^{\circ}\text{C}$ , giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là  $21,9^{\circ}\text{C}$  xảy ra vào ngày 4/IX tại Xuân Lộc. Hình 9 thể hiện diễn biến của nhiệt độ trung bình tháng tại trạm Cần Thơ.

#### 9.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng IX/2016 dao động phổ biến từ 104mm đến 560mm; ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-141 giờ đến 384 giờ).

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến dao động từ 15mm đến 150mm, cao nhất là 159mm xảy ra vào ngày 3/IX tại Phước Long.



Hình 9. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IX đến tháng IX/2016 tại trạm Cần Thơ

- Số ngày mưa trong tháng dao động từ 13 đến 25 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 8 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 14 ngày.

### **9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng**

- Tổng số giờ nắng tháng IX/2016 phổ biến từ 150 giờ đến 219 giờ, ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-63 giờ đến 45 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 79% đến 88%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-4% đến 1%) (hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 49% xảy ra vào ngày 3/IX tại Tân Sơn Nhất.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 54mm đến 105mm, (hình 14); lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 11mm; lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa tháng (-474mm đến -24mm).

### **9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt**

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 4 ngày với cường độ nhẹ.

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 3 đến 25 ngày.

## **II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG IX/2016**

Điều kiện khí tượng nông nghiệp trong tháng IX nhìn chung thuận lợi cho cây trồng sinh trưởng, phát triển cũng như thuận lợi cho các hoạt động đồng ruộng. Mưa, nắng và nhiệt độ hài hòa trên các vùng, xấp xỉ hoặc dao động quanh giá trị trung bình và nằm trong ngưỡng thuận lợi đối với cây trồng

Các tỉnh miền Bắc đang tập trung chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh, bảo vệ lúa và các cây rau, màu vụ mùa/hè thu. Một số nơi đã bắt đầu thu hoạch lúa mùa. Thời tiết trong tháng thuận lợi cho lúa mùa đang trong thời kỳ ngâm sữa, chắc xanh cũng như thuận lợi cho thu hoạch lúa mùa.

Các địa phương miền Nam tập trung thu hoạch nhanh gọn lúa hè thu, tiếp tục gieo cấy lúa thu đông/mùa và gieo trồng rau, màu cây công nghiệp ngắn ngày vụ hè thu/mùa.

### **1. Đối với cây lúa**

- *Lúa mùa*: Cả nước đã gieo cấy đạt 1.517,2 ngàn ha, bằng 91,3% so với cùng kì năm trước, trong đó các tỉnh miền Bắc đã kết thúc gieo cấy, đạt diện tích 1.135,3 ngàn ha, xấp xỉ bằng cùng kỳ năm trước; riêng các tỉnh thuộc vùng

Đồng bằng sông Hồng gieo cấy đạt 573,6 ngàn ha, tăng 0,1% so với cùng kỳ năm trước. Lúa mùa miền Bắc năm nay gieo cấy trong điều kiện thời tiết thuận lợi, có mưa đều, được chăm bón hợp lý nên sinh trưởng và phát triển tương đối đều.

Hiện nay, phần lớn lúa mùa đã trổ và ngâm sữa, một số nơi trà lúa sớm đã bắt đầu cho thu hoạch, trà trung cho thu hoạch vào cuối tháng IX sẽ tạo điều kiện giải phóng đất sớm để mở rộng diện tích trồng cây vụ đông 2016/17.

Ở miền Nam, thời tiết tại một số tỉnh vùng sâu thuộc địa bàn ĐBSCL không thuận lợi. Một số địa phương phải đối mặt với mưa và triều cường gây ngập úng. Các tỉnh miền Nam mới xuống giống 450,3 ngàn ha lúa mùa, bằng khoảng 86% cùng kỳ năm trước, trong đó các tỉnh ĐBSCL đạt 166,5 ngàn ha, bằng 82% so cùng kỳ với cùng kỳ năm trước.

- *Lúa hè thu/thu đông*: Tính đến trung tuần tháng IX, trên địa bàn các tỉnh miền Nam đã thu hoạch được 1.931,6 ngàn ha lúa hè thu, chiếm 96,3% diện tích xuống giống, trong đó các tỉnh thuộc vùng ĐBSCL thu hoạch 1.621,7 ngàn ha, nhanh hơn 1,6% so với cùng kỳ năm trước. Tốc độ thu hoạch lúa hè thu ở vùng ĐBSCL khá nhanh một phần do cảnh báo lũ năm nay về sớm và nhiều địa phương bố trí tăng đáng kể diện tích lúa thu đông. Cũng tính đến thời điểm trên, tổng diện tích xuống giống lúa thu đông tại một số tỉnh thuộc vùng ĐBSCL đạt 573,3 ngàn ha, tăng gần 1% so với cùng kỳ năm trước. Một số tỉnh có diện tích thu đông tăng nhiều so với năm trước, như: Kiên Giang tăng trên 20 ngàn ha, An Giang tăng 15 ngàn ha, Long An tăng gần 10 ngàn ha, trong khi Đồng Tháp giảm hơn 22 ngàn ha, chủ yếu thuộc diện tích ngoài đê bao, sản xuất bắp bênh và bị mất mùa nặng trong vụ trước.

Theo đánh giá sơ bộ của các địa phương năng suất lúa hè thu trên diện tích thu hoạch tăng nhẹ so với vụ trước do điều kiện thời tiết tương đối thuận lợi, tình hình sâu bệnh diễn biến ít phức tạp.

Tính chung cả 3 vụ lúa trong năm 2012: Đông xuân, hè thu/thu đông và mùa, tổng diện tích lúa cả năm đạt khoảng 7.746 nghìn ha, tăng 1,2% so với năm 2015; năng suất ước đạt 56 tạ/ha, tăng 0,6 tạ/ha; sản lượng ước đạt 43,4 triệu tấn, tăng hơn 1 triệu tấn (+2,6%) so với năm trước.

#### ***Bảng 10. Số liệu khí tượng nông nghiệp tuần 3 tháng IX/2016***

Số TT	Các vùng sinh thái nông nghiệp	Trạm	Các giai đoạn phát triển của cây trồng	Trạng thái sinh trưởng của cây trồng	Độ ẩm đất	Tác động của thiên tai, sâu bệnh
1	Tây Bắc, Việt Bắc	Mộc Châu	Chè lớn búp hái	Khá	TB	
2		Điện Biên	Lúa mùa chín hoàn toàn	TB	3cm	
3		Văn Chấn	Lúa mùa thu hoạch			
4		Tuyên Quang	Lúa xuân hè trở bông	TB	ẩm	
5	Đông Bắc	Uông Bí	Lúa mùa trở, ngâm sữa	Khá	3cm	
6		Lạng Sơn	Lúa mùa mọc dón	Khá	3cm	
7		Bắc Giang	Lúa mùa chín hoàn toàn	Tốt	3cm	
8	Trung du Bắc Bộ	Phú Hộ	Chè lớn búp hái	TB	ẩm	
9		Ba Vì	Chè lớn nảy chồi	TB	TB	
10	Đồng bằng Sông Hồng	Hà Đông	Lúa mùa chín hoàn toàn	TB	3cm	
11		Hoài Đức	Cam ra lá mới	TB	ẩm	
12			Lúa mùa trở bông	kém	3cm	
13		Hải Dương	Lúa mùa ngâm sữa, chắc xanh	Khá	3cm	
14		Hung Yên	Lúa mùa ngâm sữa	Khá	3cm	
15		Nam Định	Lúa mùa ngâm sữa	Khá	3cm	
16		Ninh Bình	Lúa mùa chắc xanh	TB	Quá ẩm	
17		Thái Bình	Lúa mùa ngâm sữa	Khá	4cm	
18	Bắc Trung Bộ	Yên Định	Đậu tương ra quả	TB	TB	
19			Lạc hình thành củ	TB	TB	
20		Thanh Hoá	Lúa mùa chín hoàn toàn	Khá	3cm	
21		Quỳnh Lưu	Chuyên vụ			
22		Đô Lương	Lúa hè thu chín hoàn toàn, thu hoạch			
23	Trung Trung Bộ	Huế	Lúa hè thu thu hoạch			
24	Nam Trung Bộ	Tuy Hoà	Lúa hè thu chín hoàn toàn, thu hoạch			
25		An Nhơn	Chuyên vụ			
26	Tây Nguyên	Eakmat	Cà phê hình thành quả	Tốt	ẩm	
27	Nam Bộ	Xuân Lộc	Cà phê quả chín	TB	Quá ẩm	
28		Trà Nóc	Lúa hè thu trở bông	TB	3cm	

29		Mỹ Tho	Chuyên vụ			
30		Bạc Liêu	Lúa hè thu thu hoạch. Lúa mùa lá thứ năm	Khá	Quá ẩm	

## 2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp

- **Cây hàng năm:** Các địa phương tiếp tục gieo trồng và thu hoạch rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày vụ hè thu/mùa. Tính đến giữa tháng, tổng diện tích gieo trồng các cây màu lương thực trong cả nước đạt 1.659,3 ngàn ha, bằng 96,2% so với cùng kì năm trước; trong đó diện tích ngô đạt gần 100 ngàn ha, bằng 95,6%; khoai lang đạt 133,1 ngàn ha, bằng 95,7%; sắn đạt gần 500 ngàn ha, xấp xỉ so với cùng kì năm trước.

Tổng diện tích cây công nghiệp ngắn ngày tính đến trung tuần tháng 9 đạt 581,2 ngàn ha, bằng 84,6% so với cùng kỳ năm trước; trong đó lạc đạt 206,3 ngàn ha, bằng 90,2%; đậu tương đạt gần 122,3 ngàn ha, bằng 69,8%; mía đạt gần 170 ngàn ha, bằng 88,7%; thuốc lá đạt 21,4 ngàn ha, tăng 5,8% so với cùng kỳ năm trước. Diện tích rau đậu các loại tăng khá, đạt tổng diện tích gần 824 ngàn ha, tăng 3,7% so với cùng kỳ năm trước.

- **Cây lâu năm:** Đánh giá sơ bộ sản lượng một số cây lâu năm năm 2012 vẫn tiếp tục tăng do diện tích bắt đầu cho sản phẩm của một số cây trồng chính tăng. Ước tính sản lượng chè cả năm đạt 897,5 nghìn tấn, tăng 2,1% so với năm ngoái; sản lượng cà phê ước đạt 1.291 nghìn tấn, tăng 1,1%; sản lượng cao su ước đạt 858 nghìn tấn, tăng 8,7%; sản lượng hồ tiêu ước đạt 112,7 nghìn tấn, tăng 0,6%; sản lượng điều ước đạt 317,5 nghìn tấn, tăng 2,7%; sản lượng dừa ước đạt 1.237 nghìn tấn, tăng 3% so với cùng kỳ năm ngoái. Sản lượng một số cây ăn quả đạt xấp xỉ năm trước hoặc thấp hơn, do một số diện tích xoài, nhãn, vải đang được cải tạo, chuyển đổi và điều kiện thời tiết không thuận lợi. Ước tính sản lượng cam, quýt tăng 2% so với năm ngoái; sản lượng xoài chỉ bằng 91,3%; sản lượng dứa tăng 6,3%; sản lượng chuối bằng 98%; sản lượng nhãn bằng 91%; sản lượng vải bằng 80% so với năm ngoái.

Tại Yên Định đậu tương ra quả, lạc hình thành củ. Đậu tương và lạc sinh trưởng trung bình; độ ẩm đất trung bình.

Chè lớn búp hái sinh trưởng khá ở Mộc Châu, độ ẩm đất trung bình; sinh trưởng trung bình ở Phú Hộ; đất ẩm. Chè nẩy chồi ở Ba Vì, sinh trưởng trung bình, độ ẩm đất trung bình (bảng 10).

Cà phê Eakmat trong giai đoạn hình thành quả, sinh trưởng tốt trên nền đất ẩm. Cà phê quả chín ở Xuân Lộc, sinh trưởng trung bình trong điều kiện đất quá ẩm..

## 3. Tình hình sâu bệnh trên lúa

- **Sâu cuốn lá nhỏ:** Tổng diện tích nhiễm 257,1 ngàn ha, trong đó nhiễm nặng 134,5 ngàn ha, chủ yếu trên lúa hè thu, mùa tại vùng Bắc bộ với diện tích nhiễm trên 247,6 ngàn ha, nặng trên 134 ngàn ha, cao hơn cùng kỳ năm trước. Các

vùng khác như: Bắc Trung bộ diện tích nhiễm hơn 1.703 ha, trong đó nặng 422 ha, mất trắng 1,5 ha; Duyên Hải Nam Trung bộ diện tích nhiễm 388 ha, nặng 1 ha; Nam bộ diện tích nhiễm 7.490 ha; diện tích nhiễm thuộc các vùng này đều thấp hơn cùng kỳ năm trước.

- *Rầy các loại*: Tổng diện tích nhiễm trên 41,3 ngàn ha, trong đó nhiễm nặng gần 100 ha, tập trung chủ yếu trên lúa hè thu, mùa thuộc vùng Bắc bộ với gần 25 ngàn ha ha, trong đó nhiễm nặng 647 ha. Các vùng khác gồm: Bắc Trung Bộ diện tích nhiễm 5.615 ha, nhiễm nặng 108 ha; Duyên Hải Nam Trung bộ diện tích nhiễm 1.820 ha, nhiễm nặng 191 ha; Nam bộ diện tích nhiễm 9.403 ha, nhiễm nặng 10 ha; nhìn chung diện tích nhiễm đều thấp hơn so với cùng kỳ năm trước.

- *Bệnh lùn sọc đen*: Đã xuất hiện tại các vùng Bắc bộ và Bắc Trung bộ với diện tích nhiễm 447 ha, trong đó nhiễm nặng trên 12 ha, mất trắng 3,5 ha, tập trung chủ yếu tại vùng Bắc bộ 376 ha nặng 3 ha, mất trắng 2 ha thấp hơn cùng kỳ năm trước. Các địa phương xuất hiện bệnh gồm: Sơn La, Ninh Bình, Điện Biên, Hòa Bình, Lai Châu. Tại vùng Bắc Trung bộ diện tích nhiễm 71 ha, nhiễm nặng 9,1 ha, mất trắng 1,5 ha, thấp hơn cùng kỳ năm trước; bệnh xuất hiện tại các tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa và Quảng Trị.

- *Bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá*: Diện tích nhiễm 26,7 ha, tập trung chủ yếu tại các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- *Bệnh khô vằn*: Hại chủ yếu tại các vùng trên cả nước với tổng diện tích nhiễm hơn 180 ngàn ha, trong đó nhiễm nặng 18,4 ngàn ha, tập trung nhiều trên lúa hè thu, mùa thuộc địa bàn Bắc bộ với hơn 152,5 ngàn ha, trong đó nhiễm nặng hơn 17 ngàn ha. Diện tích nhiễm cao hơn so với cùng kỳ năm trước. Diện tích nhiễm tại các địa bàn khác gồm: Bắc Trung bộ 21,3 ngàn ha, trong đó nhiễm nặng 1.248 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước; Duyên Hải Nam Trung bộ 2.546 ha, nhiễm nặng 87 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước; Nam Bộ diện tích nhiễm 3.645 ha, nhiễm nặng 20 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước.

- *Bệnh đạo ôn*: Gồm đạo ôn lá và cổ bông. Tổng diện tích nhiễm trên 21 ngàn ha, trong đó nhiễm nặng hơn 230 ha, tập trung chủ yếu tại địa bàn Nam bộ với diện tích nhiễm gần 20 ngàn ha, nhiễm nặng hơn 200 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước. Ngoài các đối tượng gây hại chính nêu trên còn có chuột, ốc bươu vàng, bệnh bạc lá, bệnh lem lép hạt xuất hiện khắp các vùng trong cả nước. Thống kê sơ bộ, diện tích do chuột hại trên 13 ngàn ha, ốc bươu vàng 15,7 ngàn ha; bệnh bạc lá nhiễm gần 33 ngàn ha; bệnh lem lép hạt nhiễm trên 13,8 ngàn ha. Trong tổng diện tích bị nhiễm nói trên, diện tích nhiễm nặng đều ít hoặc không đáng kể. Một số đối tượng dịch hại khác cũng xuất hiện như: Nhện gié, bọ trĩ, sâu phao; sâu keo; tuyến trùng hại rễ ... xuất hiện cục bộ, gây hại ở mức độ nhẹ.

### **III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG X, XI, XII/2016**

#### **3.1. Nhiệt độ**

Kết quả dự báo nhiệt độ 3 tháng X, XI, XII năm 2016 cho thấy, nhiệt độ hụt chuẩn có thể xảy ra ở một vài nơi trên lãnh thổ. Khả năng cận chuẩn của nhiệt độ có thể xảy ra ở khu vực phía Bắc của Tây Nam Bộ với xác suất khoảng từ 55% đến trên 66%. Nhiệt độ có khả năng vượt chuẩn trên đại bộ phận diện tích cả nước với xác suất từ 66 đến trên 77%. Chuẩn sai của nhiệt độ chủ yếu dao động từ 0 đến lớn hơn 1°C trên hầu khắp diện tích cả nước.

#### **2.2. Lượng mưa**

Trong ba tháng tới, lượng mưa có khả năng hụt chuẩn ở một số nơi thuộc phía Bắc (từ Đà Nẵng trở ra) và Tây Nguyên với xác suất khoảng 55 đến trên 66%. Khả năng cận chuẩn của lượng mưa có thể xảy ra ở Lai Châu và Quảng Ngãi với xác suất từ 55 đến 66%. Lượng mưa có khả năng vượt chuẩn xảy ra trên đa phần diện tích ở phía Bắc (từ Nghệ An trở ra) và và đại bộ phận diện tích ở phía Nam (từ Phú Yên trở vào) với xác suất khoảng 66 đến trên 77%. Chuẩn sai của lượng mưa chủ yếu dao động từ 0 đến 200mm trên đa phần diện tích cả nước, riêng khu vực Trung Trung Bộ và Bắc Tây Nguyên chuẩn sai có thể dao động từ - 400 đến 0mm.

#### **2.3. Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ) và không khí lạnh (KKL)**

Theo kết quả thống kê trung bình 3 tháng X, XI, XII thời kỳ 1971-2000 thì có khoảng 5 XTNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông và khoảng 3 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam.

Dự báo của Đại học Tổng hợp Luân Đôn (Anh) đối với XTNĐ trong năm 2012 cho thấy: số lượng XTNĐ hoạt động trên khu vực Tây Bắc TBD có khả năng ở mức thấp hơn khoảng 10% so với trung bình nhiều năm thời kỳ 1965 – 2011.

Dự báo của IRI đối với XTNĐ trong năm 2012 cho thấy: số lượng bão hoạt động trên khu vực Tây Bắc TBD trong mùa bão (từ tháng VII đến tháng X) ở xấp xỉ trung bình nhiều năm thời kỳ 1965 – 2011 với xác suất khoảng 40%.

Thống kê trung bình số đợt không khí lạnh ảnh hưởng đến Việt Nam trong 3 tháng X, XI, XII của thời kỳ 1971 – 2000 là khoảng 10 đợt.

### **IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ**

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của cây trồng trong tháng IX, trên cơ sở dự báo xu thế thời tiết tháng X/2016 và dự báo khí hậu 3 tháng X, XI và XII/2016 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

### **1. Miền Bắc**

- Tranh thủ thời tiết thuận lợi tập trung thu hoạch lúa mùa
- Tập trung làm đất gieo trồng rau màu và các cây vụ đông: ngô, đậu tương, khoai tây, khoai lang;
- Tăng cường các biện pháp phòng trừ sâu bệnh, đặc biệt đối với bệnh lùn sọc đen và sâu cuốn lá nhỏ;

### **2. Miền Trung**

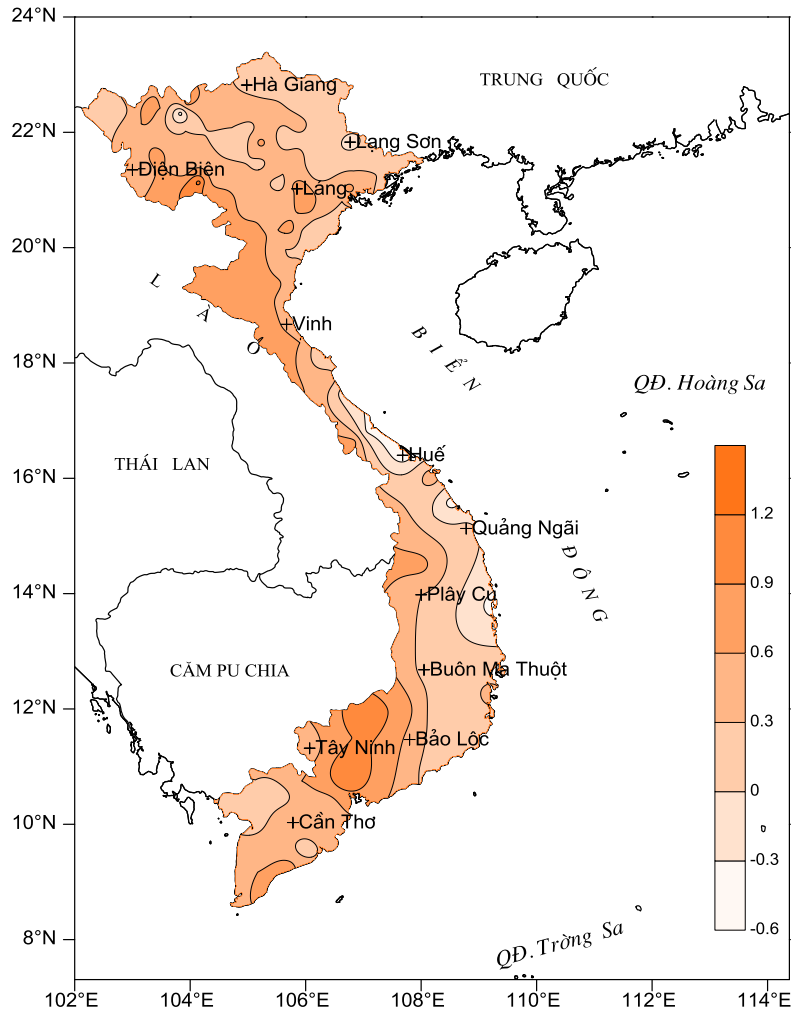
- Tập trung thu hoạch lúa mùa và làm đất gieo trồng các cây vụ đông;
- Tập trung khắc phục hậu quả do mưa lũ gây ra;
- Sẵn sàng các biện pháp ứng phó với bão, lũ, đề phòng lũ ống và lũ quét, sạt lở đất ở những khu vực miền núi và những nơi có địa hình dốc cao.

### **3. Miền Nam**

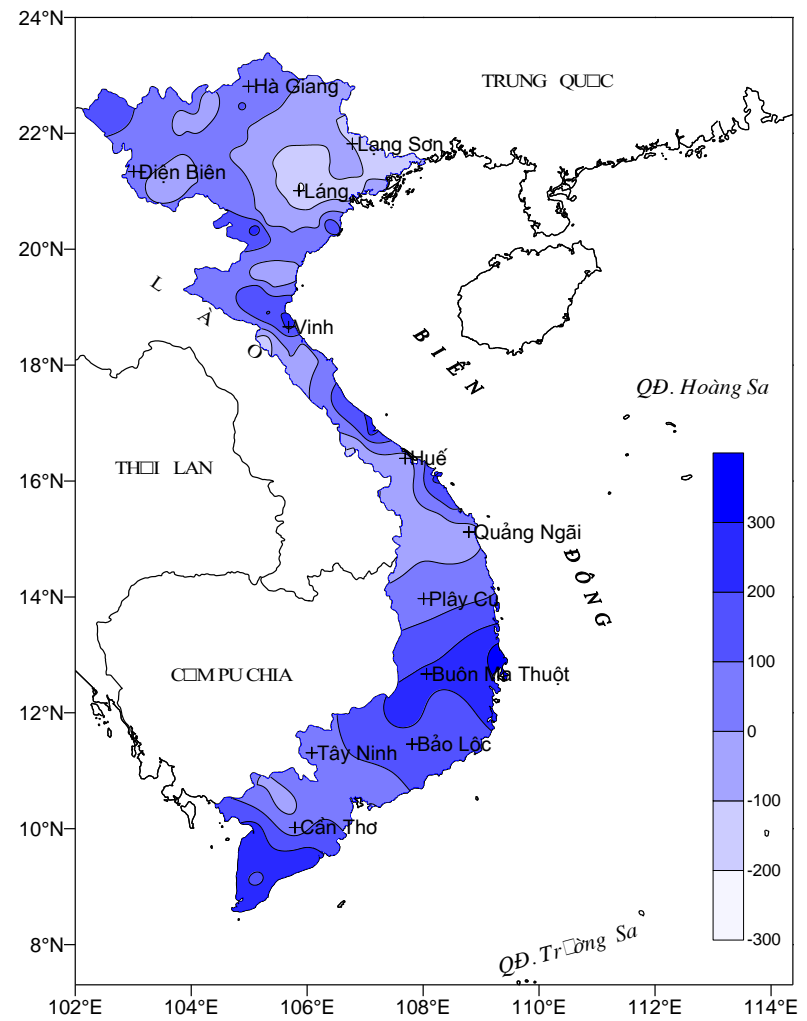
- Tập trung chăm sóc lúa mùa;
- Tăng cường các biện pháp chống úng do mưa bão và triều cường;
- Diệt trừ các loại sâu hại lúa đặc biệt là rầy nâu, bệnh đạo ôn, sâu cuốn lá nhỏ và bệnh lem lép hạt.

## **V. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

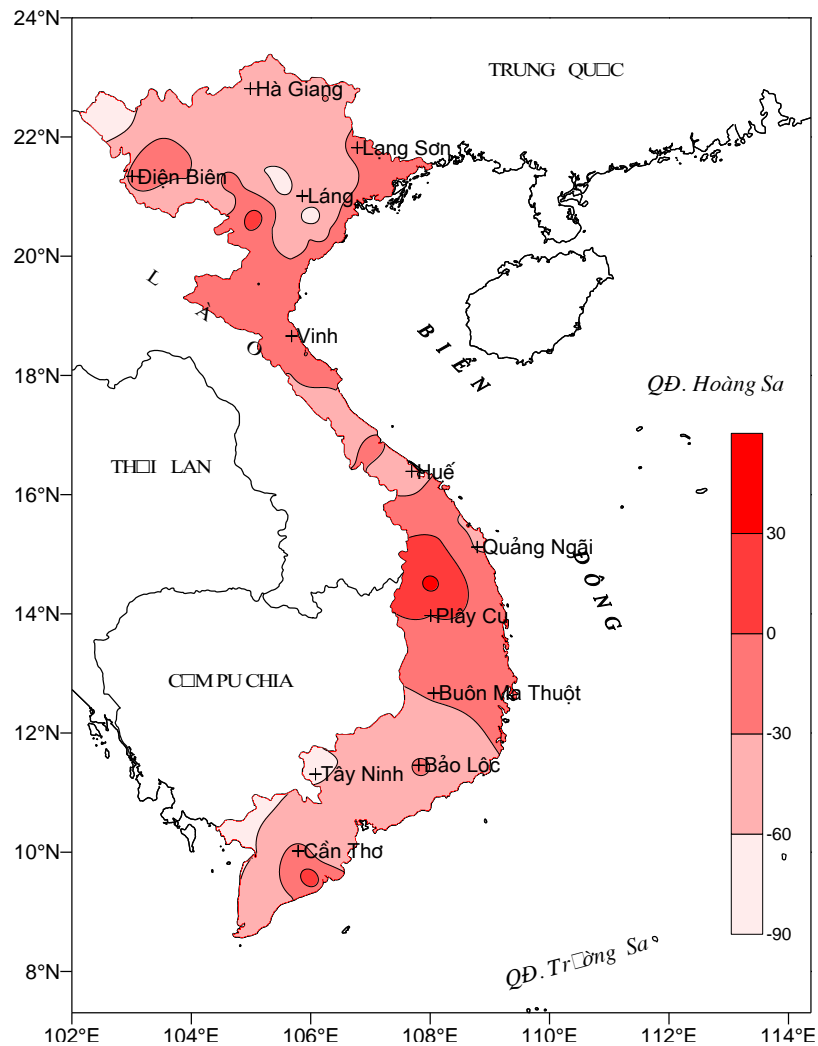
1. Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Môi trường, Thông báo và dự báo Khí hậu tháng IX-XI năm 2016;
2. Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, dự báo xu thế thời tiết tháng IX năm 2016 các khu vực trên phạm vi cả nước;
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tháng IX năm 2016 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



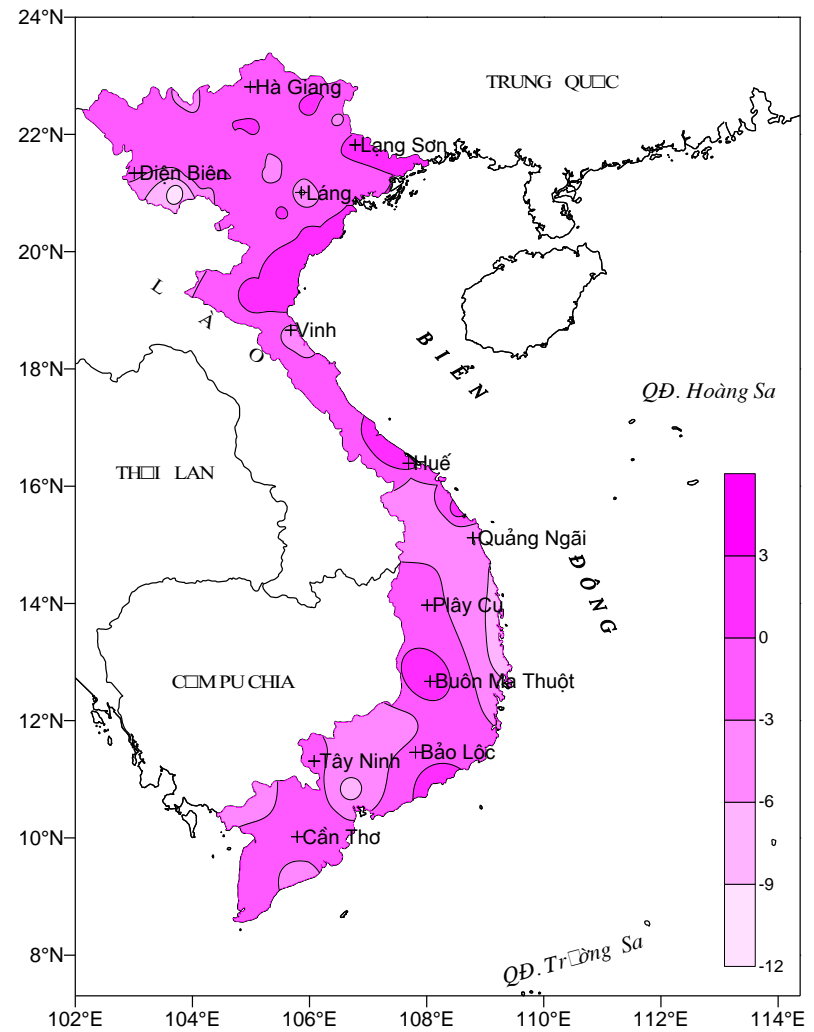
Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng IX/2016 so với TBNN (°C)



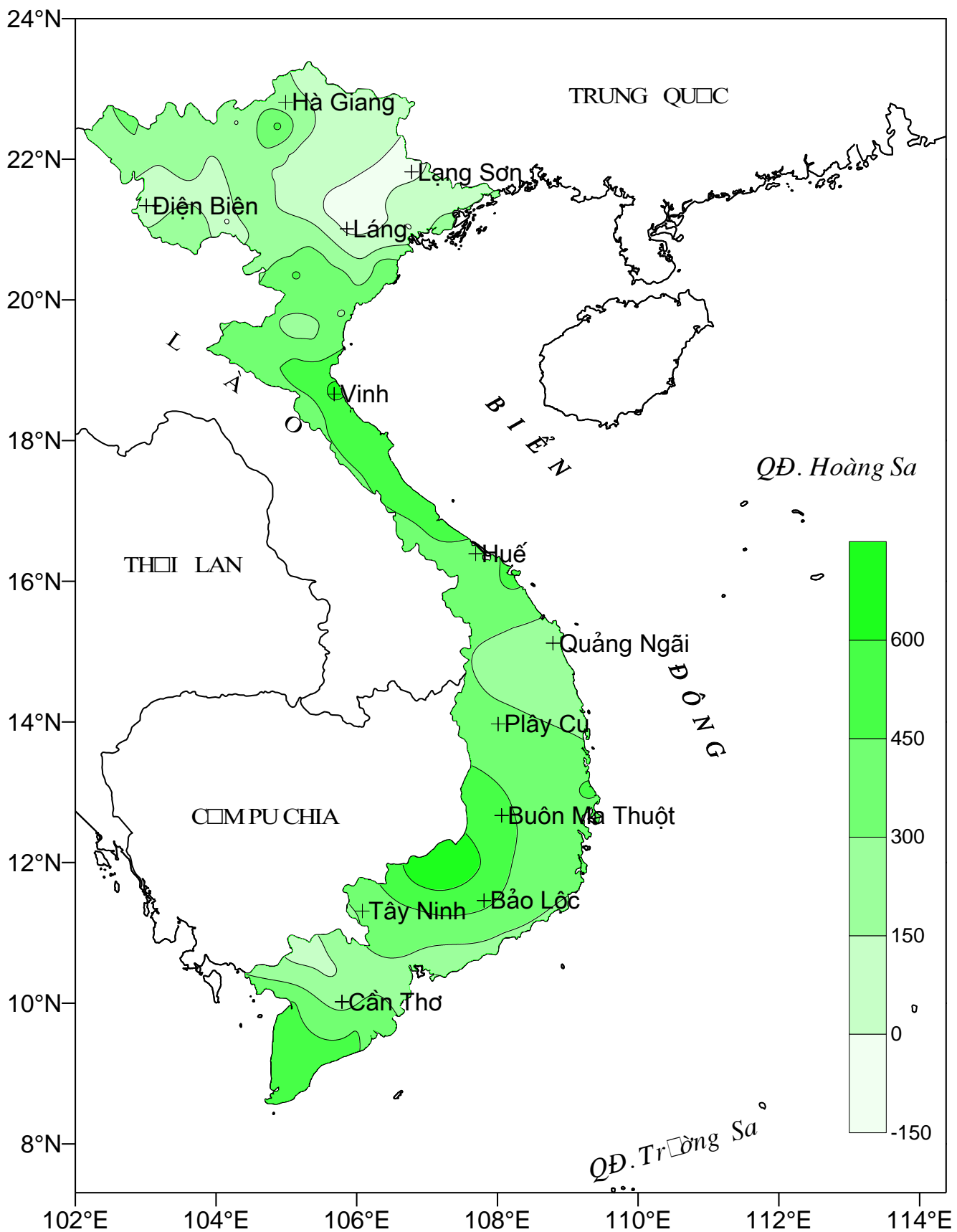
Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng IX/2016 so với TBNN (mm)



Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng IX/2016 so với TBNN (giờ)



Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng IX/2016 so với TBNN (%)



**Hình 14. Độ lệch của lượng mưa so với lượng bốc hơi tháng IX/2016 (mm)**